

HUY ĐỘNG VỐN CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

NGUYỄN ĐẮC HUNG *

Hiện nay, nguồn vốn đầu tư đóng góp khoảng 50% - 55% tăng trưởng kinh tế hàng năm. Bởi vậy, huy động vốn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội là một khâu cốt yếu của toàn bộ hệ thống các ngân hàng nước ta. Bài báo đã đề cập khá toàn diện các kênh huy động vốn thực tế và tiềm tàng, đồng thời cũng chỉ ra các vấn đề tồn tại trong huy động vốn để có giải pháp kịp thời, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

•1 - Huy động vốn qua hệ thống ngân hàng

Trong điều kiện vốn ngân sách nhà nước có hạn, vốn tự có của doanh nghiệp và người sản xuất còn ít ỏi, thì vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh chủ yếu dựa vào vốn tín dụng ngân hàng. Để có vốn cho vay, các ngân hàng thương mại (NHTM) đã huy động vốn trong xã hội, vốn trong dân, vốn nước ngoài. Hệ thống ngân hàng huy động vốn cho đầu tư phát triển bằng đa dạng các phương thức, như: giải tỏa vốn đọng trong số nợ xấu, phát hành cổ phiếu và trái phiếu tăng vốn điều lệ, thu hút tiền gửi tiết kiệm và phát triển dịch vụ ngân hàng.

Các NHTM nhà nước đã xử lý số nợ tồn đọng khoảng 23.000 tỉ đồng bằng nhiều biện pháp khác nhau, giải phóng số vốn đó để quay vòng, cho vay tái đầu tư cho phát triển kinh tế. Đó cũng là số nợ liên quan đến các doanh nghiệp nhà nước; các khoản nợ thuộc nhóm I,

nhóm II và nhóm III. Tính đến nay các NHTM nhà nước đã xử lý được hơn 92% số nợ xấu; trong đó, có khoảng 10.000 tỉ đồng nợ đọng của các vụ án kinh tế lớn, như: Epcó - Minh Phụng, Tamexco,... và hàng loạt vụ án lớn nhỏ, các khoản nợ đọng. Theo đó không những tỷ lệ nợ xấu của các NHTM nhà nước giảm, mà còn làm lành mạnh hóa môi trường đầu tư kinh doanh tiền tệ tín dụng. Các NHTM cổ phần và quỹ tín dụng nhân dân cũng đã giải quyết được khoảng 5.000 - 6.000 tỉ đồng nợ xấu, trong đó có rất nhiều khoản nợ liên quan đến các vụ án, đưa số vốn đó trở lại phục vụ đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ gia đình.

Để nâng cao năng lực tài chính các NHTM nhà nước, bên cạnh việc Chính phủ chỉ đạo và Bộ Tài chính cùng Ngân hàng Nhà nước phối hợp thực hiện, đã cấp vốn điều lệ bằng

* TS, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

trái phiếu đặc biệt cho 5 ngân hàng và một số hình thức cấp vốn khác. Đến nay, tổng số vốn các NHTM nhà nước đã cấp bổ sung là 12.536 tỉ đồng vốn điều lệ, nâng tổng số vốn tự có của các NHTM nhà nước lên 18.470 tỉ đồng, gấp 3 lần cuối năm 2000. Thực hiện các bước cổ phần hóa, cuối năm 2005, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã phát hành thành công trái phiếu, huy động được 1.385 tỉ đồng tăng vốn điều lệ mà ngân sách nhà nước không phải cấp thêm vốn cho ngân hàng này. Đầu tháng 5-2006, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã phát hành trái phiếu tăng vốn hơn 2.200 tỉ đồng cũng không chờ vào nguồn ngân sách nhà nước. Hệ thống NHTM cổ phần thực hiện phát hành cổ phiếu mới trên thị trường để tăng vốn điều lệ. Tính đến 7-2006, ước tính các NHTM cổ phần đã huy động thêm được trên 10.000 tỉ đồng tăng vốn điều lệ. Bên cạnh việc phát hành cổ phiếu huy động của các cá nhân và tổ chức ở trong nước, thì còn có khối lượng lớn vốn của người Việt Nam ở

nước ngoài chuyển về cho người thân trong nước mua cổ phiếu ngân hàng. Đặc biệt nhiều ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài đã mua cổ phần của 4 NHTM cổ phần Việt Nam, đó là ANZ, Standard Chartered Bank, Hongkong and Shanghai Banking Corporation, OCBC, IFC,... Việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ chẳng những nâng cao năng lực tài chính, mà còn là điều kiện để tăng

cường huy động vốn trên thị trường để đáp ứng nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế.

Các ngân hàng và tổ chức tín dụng mạnh dạn đầu tư số vốn lớn để hiện đại hóa công nghệ và phát triển dịch vụ. Với hệ thống thanh toán quốc tế, chuyển tiền nhanh toàn cầu, thanh toán điện tử liên ngân hàng và thanh toán, chuyển tiền điện tử, tiền của khách hàng chuyển từ ngân hàng này sang ngân hàng khác

ở trong nước, chuyển ra nước ngoài hay tiền kiều hối, tiền của người Việt Nam từ nước ngoài cho người thân,... chỉ thực hiện trong vòng vài phút. Công nghệ ngân hàng hiện đại và dịch vụ ngân hàng tiện ích chẳng những tăng tốc độ chu chuyển vốn trong nền kinh tế, giảm thời gian vốn đọng trong thanh toán, mà còn thu hút được vốn của người Việt Nam ở nước ngoài chuyển về. Nếu như lượng kiều hối chuyển về nước năm 2000 mới đạt 1,757 tỉ USD thì năm 2005 đạt gần 4,0 tỉ USD. Bên cạnh đó, với kết quả phát triển được gần 4,0 triệu tài khoản cá nhân; hơn 3,5 triệu thẻ thanh

Các ngân hàng thương mại mở rộng huy động vốn bằng nhiều hình thức khác nhau như: - Mở rộng mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch toàn quốc bảo đảm cho huy động vốn. - Hiện đại hóa công nghệ gắn liền với đổi mới phong cách giao dịch của nhân viên, tạo sự tôn trọng của ngân hàng đối với người gửi tiền. - Đẩy mạnh các hoạt động ma-két-tinh, tiếp thị, quảng cáo khuyến mại trong huy động vốn, tạo thông tin minh bạch. - Đa dạng hóa các sản phẩm gửi tiền tiết kiệm, các hình thức huy động vốn đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

toán, thẻ ATM, thẻ tín dụng quốc tế,... với số dư tiền gửi bình quân đạt trên 10.000 tỉ đồng. Đáng chú ý là cả nước đã lắp đặt được trên 2.500 máy ATM. Số dư tiền gửi bình quân trên tài khoản của khách hàng cá nhân là nguồn vốn rất quan trọng để các NHTM sử dụng cho vay, đầu tư cho các nhu cầu của nền kinh tế.

Các NHTM mở rộng huy động vốn bằng nhiều hình thức và giải pháp khác nhau.

Trước hết, mở rộng mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch toàn quốc, bảo đảm thuận tiện cho huy động vốn. *Thứ hai*, hiện đại hóa công nghệ gắn liền với đổi mới phong cách giao dịch của nhân viên, tạo sự tôn trọng của ngân hàng đối với người gửi tiền. *Thứ ba*, đẩy mạnh các hoạt động ma-két-tinh, tiếp thị, quảng cáo, khuyến mại trong huy động vốn, tạo thông tin minh bạch, công bố thông tin rộng rãi cho người dân chủ động lựa chọn các hình thức gửi tiền với lãi suất, kỳ hạn khác nhau. *Thứ tư*, đa dạng hóa các sản phẩm gửi tiền tiết kiệm, các hình thức huy động vốn đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Trong việc huy động vốn, các NHTM tạo sự chủ động lựa chọn linh hoạt cho khách hàng, như: gửi một lần nhưng rút gốc linh hoạt cho nhu cầu chi tiêu vẫn được lãi suất cao; gửi góp nhưng linh ra một lần vào cuối kỳ với lãi suất hấp dẫn, gửi tiết kiệm gắn với bảo hiểm nhân thọ; gửi tiền kèm theo cho vay mua ô-tô trả góp.

Tổng nguồn vốn huy động của các NHTM và tổ chức tín dụng toàn quốc trong 5 năm qua đạt tốc độ tăng khoảng 20% - 25%/năm, gấp hơn 3 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế. Cụ thể năm 2000 vốn huy động của hệ thống ngân hàng tăng 26,5% so với năm trước, năm 2001 tăng 25,53%, năm 2002 tăng 17,7%, năm 2003 tăng 24,94%, năm 2004 tăng 30,39%, năm 2005 tăng 18% và 6 tháng đầu năm 2006 tăng hơn 12%.

Có thể khẳng định, hệ thống ngân hàng đóng vai trò chủ lực đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Đáng chú ý là các NHTM nhà nước chiếm trên 70% thị phần huy động vốn; thị phần của các NHTM cổ phần tuy còn khiêm tốn, nhưng đang cố xu hướng tăng nhanh. Bên cạnh các kênh huy động vốn nói trên hệ thống ngân hàng còn là đầu mối đàm

phán và ký kết, tổ chức tiếp nhận vốn và cho vay nhiều dự án của WB, ADB,... về điện lực, giao thông nông thôn, cải thiện môi trường, xóa đói giảm nghèo.

2 - Huy động vốn qua các kênh khác trên thị trường

Huy động vốn của ngân sách chủ yếu bằng hình thức phát hành tín phiếu Kho bạc nhà nước qua đấu thầu tại Ngân hàng Nhà nước, với sự tham gia của các ngân hàng, tổ chức bảo hiểm, quỹ đầu tư...; phát hành trái phiếu Chính phủ trong và ngoài nước, phát hành công trái và vốn của Công ty dịch vụ tiết kiệm Bưu điện, vốn của Bảo hiểm xã hội chuyển cho Quỹ hỗ trợ phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển). Thêm vào đó còn có nguồn vốn ODA do Ngân hàng Phát triển cho vay lại.

Trong giai đoạn 2001 - 2005, Chính phủ đã phát hành khoảng gần 60.000 tỉ đồng trái phiếu; trong đó 50.000 tỉ đồng phát hành qua Kho bạc Nhà nước, 8.000 tỉ đồng phát hành qua đấu giá trên Trung tâm Giao dịch

chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh... Cuối năm 2005, Chính phủ cũng lần đầu tiên phát hành 750 triệu USD trái phiếu ra thị trường quốc tế, thời hạn trái phiếu là 10 năm. Giá bán cuối cùng của trái phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài bằng 98,223% mệnh giá, với lãi suất là 6,875%/năm, tính ra theo lãi suất của nó, lãi suất của 100% mệnh giá trái phiếu là 7,125%/năm. So với một số nước có mức độ tín nhiệm tương đương Việt Nam thì lãi suất trái phiếu của Việt Nam thấp hơn. Cụ thể, lãi suất trái phiếu cùng kỳ hạn của Phi-lip-pin là 8,075%/năm, của In-đô-nê-xi-a là 7,75%/năm. Toàn bộ số vốn phát hành trái phiếu Chính phủ nói trên được Bộ Tài chính để Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam vay lại đầu tư cho các dự án đóng tàu.

Nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, chống thất thoát và chống tham nhũng trong các dự án cần: Tránh đầu tư dàn trải, tình trạng nôn nóng, đầu tư kiểu phong trào, đầu tư chủ quan duy ý trí.

trái phiếu đặc biệt cho 5 ngân hàng và một số hình thức cấp vốn khác. Đến nay, tổng số vốn các NHTM nhà nước đã cấp bổ sung là 12.536 tỉ đồng vốn điều lệ, nâng tổng số vốn tự có của các NHTM nhà nước lên 18.470 tỉ đồng, gấp 3 lần cuối năm 2000. Thực hiện các bước cổ phần hóa, cuối năm 2005, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã phát hành thành công trái phiếu, huy động được 1.385 tỉ đồng tăng vốn điều lệ mà ngân sách nhà nước không phải cấp thêm vốn cho ngân hàng này. Đầu tháng 5-2006, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã phát hành trái phiếu tăng vốn hơn 2.200 tỉ đồng cũng không chờ vào nguồn ngân sách nhà nước. Hệ thống NHTM cổ phần thực hiện phát hành cổ phiếu mới trên thị trường để tăng vốn điều lệ. Tính đến 7-2006, ước tính các NHTM cổ phần đã huy động thêm được trên 10.000 tỉ đồng tăng vốn điều lệ. Bên cạnh việc phát hành cổ phiếu huy động của các cá nhân và tổ chức ở trong nước, thì còn có khối lượng lớn vốn của người Việt Nam ở

nước ngoài chuyển về cho người thân trong nước mua cổ phiếu ngân hàng. Đặc biệt nhiều ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài đã mua cổ phần của 4 NHTM cổ phần Việt Nam, đó là ANZ, Standard Chartered Bank, Hongkong and Shanghai Banking Corporation, OCBC, IFB,... Việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ chẳng những nâng cao năng lực tài chính, mà còn là điều kiện để tăng

cường huy động vốn trên thị trường để đáp ứng nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế.

Các ngân hàng và tổ chức tín dụng mạnh dạn đầu tư số vốn lớn để hiện đại hóa công nghệ và phát triển dịch vụ. Với hệ thống thanh toán quốc tế, chuyển tiền nhanh toàn cầu, thanh toán điện tử liên ngân hàng và thanh toán, chuyển tiền điện tử, tiền của khách hàng chuyển từ ngân hàng này sang ngân hàng khác

ở trong nước, chuyển ra nước ngoài hay tiền kiều hối, tiền của người Việt Nam từ nước ngoài cho người thân,... chỉ thực hiện trong vòng vài phút. Công nghệ ngân hàng hiện đại và dịch vụ ngân hàng tiện ích chẳng những tăng tốc độ chu chuyển vốn trong nền kinh tế, giảm thời gian vốn đọng trong thanh toán, mà còn thu hút được vốn của người Việt Nam ở nước ngoài chuyển về. Nếu như lượng kiều hối chuyển về nước năm 2000 mới đạt 1,757 tỉ USD thì năm 2005 đạt gần 4,0 tỉ USD. Bên cạnh đó, với kết quả phát triển được gần 4,0 triệu tài khoản cá nhân; hơn 3,5 triệu thẻ thanh

Các ngân hàng thương mại mở rộng huy động vốn bằng nhiều hình thức khác nhau như: - Mở rộng mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch toàn quốc bảo đảm cho huy động vốn. - Hiện đại hóa công nghệ gắn liền với đổi mới phong cách giao dịch của nhân viên, tạo sự tôn trọng của ngân hàng đối với người gửi tiền. - Đẩy mạnh các hoạt động ma-két-tinh, tiếp thị, quảng cáo khuyến mại trong huy động vốn, tạo thông tin minh bạch. - Đa dạng hóa các sản phẩm gửi tiền tiết kiệm, các hình thức huy động vốn đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

toán, thẻ ATM, thẻ tín dụng quốc tế,... với số dư tiền gửi bình quân đạt trên 10.000 tỉ đồng. Đáng chú ý là cả nước đã lắp đặt được trên 2.500 máy ATM. Số dư tiền gửi bình quân trên tài khoản của khách hàng cá nhân là nguồn vốn rất quan trọng để các NHTM sử dụng cho vay, đầu tư cho các nhu cầu của nền kinh tế.

Các NHTM mở rộng huy động vốn bằng nhiều hình thức và giải pháp khác nhau.

Trước hết, mở rộng mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch toàn quốc, bảo đảm thuận tiện cho huy động vốn. *Thứ hai*, hiện đại hóa công nghệ gắn liền với đổi mới phong cách giao dịch của nhân viên, tạo sự tôn trọng của ngân hàng đối với người gửi tiền. *Thứ ba*, đẩy mạnh các hoạt động ma-két-tinh, tiếp thị, quảng cáo, khuyến mại trong huy động vốn, tạo thông tin minh bạch, công bố thông tin rộng rãi cho người dân chủ động lựa chọn các hình thức gửi tiền với lãi suất, kỳ hạn khác nhau. *Thứ tư*, đa dạng hóa các sản phẩm gửi tiền tiết kiệm, các hình thức huy động vốn đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Trong việc huy động vốn, các NHTM tạo sự chủ động lựa chọn linh hoạt cho khách hàng, như: gửi một lần nhưng rút gộc linh hoạt cho nhu cầu chi tiêu vẫn được lãi suất cao; gửi góp nhưng lĩnh ra một lần vào cuối kỳ với lãi suất hấp dẫn, gửi tiết kiệm gắn với bảo hiểm nhân thọ; gửi tiền kèm theo cho vay mua ô-tô trả góp.

Tổng nguồn vốn huy động của các NHTM và tổ chức tín dụng toàn quốc trong 5 năm qua đạt tốc độ tăng khoảng 20% - 25%/năm, gấp hơn 3 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế. Cụ thể năm 2000 vốn huy động của hệ thống ngân hàng tăng 26,5% so với năm trước, năm 2001 tăng 25,53%, năm 2002 tăng 17,7%, năm 2003 tăng 24,94%, năm 2004 tăng 30,39%, năm 2005 tăng 18% và 6 tháng đầu năm 2006 tăng hơn 12%.

Có thể khẳng định, hệ thống ngân hàng đóng vai trò chủ lực đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Đáng chú ý là các NHTM nhà nước chiếm trên 70% thị phần huy động vốn; thị phần của các NHTM cổ phần tuy còn khiêm tốn, nhưng đang có xu hướng tăng nhanh. Bên cạnh các kênh huy động vốn nói trên hệ thống ngân hàng còn là đầu mối đàm

phán và ký kết, tổ chức tiếp nhận vốn và cho vay nhiều dự án của WB, ADB,... về điện lực, giao thông nông thôn, cải thiện môi trường, xóa đói giảm nghèo.

2 - Huy động vốn qua các kênh khác trên thị trường

Huy động vốn của ngân sách chủ yếu bằng hình thức phát hành tín phiếu Kho bạc nhà nước qua đấu thầu tại Ngân hàng Nhà nước, với sự tham gia của các ngân hàng, tổ chức bảo hiểm, quỹ đầu tư...; phát hành trái phiếu Chính phủ trong và ngoài nước, phát hành công trái và vốn của Công ty dịch vụ tiết kiệm Bưu điện, vốn của Bảo hiểm xã hội chuyển cho Quỹ hỗ trợ phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển). Thêm vào đó còn có nguồn vốn ODA do Ngân hàng Phát triển cho vay lại.

Trong giai đoạn 2001 - 2005, Chính phủ đã phát hành khoảng gần 60.000 tỉ đồng trái phiếu; trong đó 50.000 tỉ đồng phát hành qua Kho bạc Nhà nước, 8.000 tỉ đồng phát hành qua đấu giá trên Trung tâm Giao dịch

Nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, chống thất thoát và chống tham nhũng trong các dự án cần: Tránh đầu tư dàn trải, tình trạng nện nóng, đầu tư kiểu phong trào, đầu tư chủ quan duy ý trí.

chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh... Cuối năm 2005, Chính phủ cũng lần đầu tiên phát hành 750 triệu USD trái phiếu ra thị trường quốc tế, thời hạn trái phiếu là 10 năm. Giá bán cuối cùng của trái phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài bằng 98,223% mệnh giá, với lãi suất là 6,875%/năm, tính ra theo lãi suất của nó, lãi suất của 100% mệnh giá trái phiếu là 7,125%/năm. So với một số nước có mức độ tín nhiệm tương đương Việt Nam thì lãi suất trái phiếu của Việt Nam thấp hơn. Cụ thể, lãi suất trái phiếu cùng kỳ hạn của Phi-lip-pin là 8,075%/năm, của In-đô-nê-xi-a là 7,75%/năm. Toàn bộ số vốn phát hành trái phiếu Chính phủ nói trên được Bộ Tài chính để Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam vay lại đầu tư cho các dự án đóng tàu.

Đến ngày 31-12-2005, nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước đã tham gia với tư cách "vốn mới" để thực hiện trên 6.600 dự án thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định của Chính phủ với tổng số vốn theo hợp đồng tín dụng đã ký khoảng 160.000 tỉ đồng, đã giải ngân gần 110.000 tỉ đồng, dư nợ 79.578 tỉ đồng. Cùng với hình thức hỗ trợ trực tiếp, hình thức bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cũng được đẩy mạnh. Đến nay đã có 1.846 dự án được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư với tổng số vốn hỗ trợ theo hợp đồng là 1.550 tỉ đồng và 5 dự án được bảo lãnh tín dụng đầu tư với tổng số vốn gần 30 tỉ đồng; với hai hình thức hỗ trợ gián tiếp này đã tạo vốn để huy động hàng chục ngàn tỉ đồng từ các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng cho đầu tư phát triển.

Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã huy động gần 7.000 tỉ đồng trái phiếu địa phương; riêng Hà Nội cũng huy động được hàng trăm tỉ đồng qua phát hành trái phiếu xây dựng cầu Thanh Trì. Đây là một giải pháp rất quan trọng để huy động vốn cho đầu tư phát triển, giảm sức ép về cung ứng vốn từ hệ thống ngân hàng, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Để giảm sự phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng và được phép của Chính phủ, một số loại trái phiếu doanh nghiệp cũng được phát hành để huy động vốn trong xã hội, như: trái phiếu của Tổng công ty Điện lực Việt Nam, trái phiếu của Tổng công ty Dầu khí... Tính đến nay, số vốn trái phiếu doanh nghiệp phát hành cũng lên tới vài nghìn tỉ đồng.

Một kênh huy động vốn quan trọng khác là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo hình thức bán đấu giá và bán cổ phần của Nhà nước trong các doanh nghiệp cổ phần hóa mà cổ phiếu có tính thanh khoản cao, lợi nhuận hấp dẫn, như: Vinamilk, Công ty Cao su miền Nam, một số nhà máy điện... đã thu được hàng nghìn tỉ đồng cho ngân sách nhà nước. Đó là

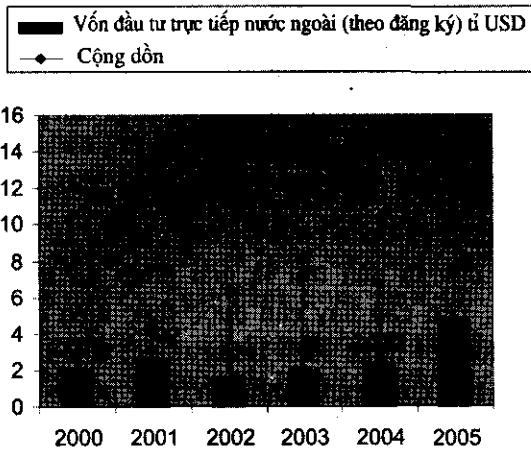
chưa kể hàng chục ngàn tỉ đồng đã được huy động trong doanh nghiệp tư nhân.

Đến cuối tháng 6-2006, cả nước có 37 công ty cổ phần niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với tổng quy mô vốn là 4.196,53 tỉ đồng tính theo mệnh giá. Trong tháng 7-2006, có thêm cổ phiếu của 6 doanh nghiệp cổ phần niêm yết mới, trong đó có NHTM CP Sài Gòn Thương Tín - Sacombank, với số vốn điều lệ 1.899 tỉ đồng. Như vậy, đến cuối tháng 7-2006, có khoảng 43 công ty cổ phần niêm yết và một số loại trái phiếu Chính phủ niêm yết trên hai Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, tổng giá trị niêm yết khoảng trên 10.000 tỉ đồng; trong đó có khoảng 8.000 tỉ đồng cổ phiếu, 300 tỉ đồng chứng chỉ quỹ đầu tư và hàng nghìn tỉ đồng trái phiếu các loại. Hiện nay, có khoảng trên 50.000 tài khoản của các nhà đầu tư chứng khoán được mở tại các công ty chứng khoán. Các nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ khoảng 30% - 49% cổ phần của nhiều doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả trên thị trường chứng khoán. Điều đó đã mở ra một xu hướng mới trong huy động vốn trên thị trường chứng khoán phù hợp hơn với thông lệ quốc tế.

Thu hút vốn nước ngoài ODA và vốn đầu tư trực tiếp FDI ở nước ta đang có nhiều khởi sắc. Sau hơn 10 năm nối lại quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, đến nay Việt Nam đã nhận được tổng số gần 35 tỉ USD vốn viện trợ phát triển ODA, số vốn đã giải ngân được đến hết tháng 6-2006 đạt khoảng 15 tỉ USD. Sau gần 20 năm thực hiện chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, đến nay tổng số vốn đăng ký đầu tư vào Việt Nam khoảng 55 tỉ USD, vốn đã thực hiện đạt khoảng 40 tỉ USD; trong số đó có tỷ lệ quan trọng là vốn của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, các NHTM Việt

Nam,... cho các nhà đầu tư nước ngoài vay vốn đầu tư tại Việt Nam (xem biểu đồ).

Biểu đồ: *Huy động vốn đầu tư nước ngoài (FDI) những năm gần đây.*



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

3 - Một số tồn tại trong huy động vốn

Một là, công nghệ ngân hàng hiện đại và dịch vụ tuy đã có bước phát triển, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Đồng thời sự phối hợp của một số cơ quan, tổ chức có số thu và chi bằng tiền mặt lớn, ổn định, như: thuế, hải quan, kho bạc, điện lực, xăng dầu, bưu chính viễn thông,... với các NHTM và tổ chức tín dụng thiếu chặt chẽ. Do đó, việc thanh toán và cất trữ tiền mặt trong nền kinh tế và trong dân cư còn lớn.

Hai là, chỉ số giá hàng tiêu dùng (CPI) còn ở mức cao, giá vàng biến động lớn, tỷ giá đô la Mỹ trên thị trường nhìn chung ổn định, nhưng cá biệt trên thị trường tự do có thời điểm biến động lớn,... Do nguồn ngoại tệ tiền mặt từ kiều hối, từ người Việt Nam làm ăn và sinh sống ở nước ngoài chuyển về, từ khách du lịch quốc tế, từ buôn lậu còn lớn,... vẫn còn nhiều người cất trữ và sử dụng ngoại tệ. Cơ chế điều hành một số công cụ chính sách tiền

tệ chưa linh hoạt. Cụ thể là, tỷ lệ dự trữ bắt buộc tiền gửi ngoại tệ của các NHTM và tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước còn cao, nên lãi suất huy động vốn ngoại tệ chưa thật sự hấp dẫn người dân.

Ba là, việc phối hợp giữa kênh huy động vốn của hệ thống ngân hàng và kênh huy động vốn của ngân sách chưa đồng bộ, nên không những hiệu quả huy động vốn chưa cao, mà hiệu quả sử dụng vốn ngân hàng huy động được cũng còn hạn chế. Điều đó thể hiện rõ qua phát hành trái phiếu bằng ngoại tệ ở nước ngoài.

Bốn là, thị trường chứng khoán Việt Nam đang trên đà phát triển mới từ đầu năm 2006 đến nay, nhưng so với trình độ chung của các nước thì mới ở giai đoạn đầu. Hơn nữa, thị trường chứng khoán mới chủ yếu là các hoạt động mua đi, bán lại, đầu cơ chứng khoán, cổ phiếu trên thị trường thứ cấp. Các hoạt động trên thị trường sơ cấp, phát hành cổ phiếu, chứng khoán lần đầu để huy động vốn của doanh nghiệp vẫn chưa phát triển.

Năm là, vốn đầu tư qua kênh ngân sách bị thất thoát, lãng phí, tình trạng tham ô, tham nhũng đáng lo ngại. Đặc biệt nguồn vốn ODA chuyển qua kênh ngân sách đang tạo ra sự lo ngại của dư luận, của các nhà tài trợ quốc tế về tình trạng tham nhũng, thất thoát về nguồn vốn này. Năm 2006, Quốc hội đã phê duyệt tổng vốn đầu tư phát triển xã hội chiếm 38,6% GDP; trong đó, nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ cho đầu tư phát triển là 81.580 tỉ đồng. Để thực hiện mục tiêu đó, Bộ Tài chính dự kiến năm 2006 sẽ phát hành 15.000 tỉ đồng - 18.000 tỉ đồng trái phiếu Chính phủ để đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thủy lợi, tái định cư thủy điện Sơn La, dự án đường tuần tra biên giới, xây dựng đường giao thông đến các xã còn thiếu. Ngoài ra, vẫn còn chú trọng việc tìm kiếm các

nguồn vốn khác: vốn ODA, vốn viện trợ không hoàn lại, vốn cân đối từ ngân sách. Thủ tướng Chính phủ cũng đã thông qua khoản đầu tư từ 60.000 - 62.000 tỉ đồng trong 5 năm 2006 - 2010 để tạo bước đột phá trong công tác xóa đói, giảm nghèo; mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo đói theo tiêu chuẩn mới từ 26% năm 2005 xuống còn 15% năm 2010.

Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội được Chính phủ trình bày tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI (ngày 16-5-2006) trong giai đoạn đến năm 2010, tốc độ tăng GDP đạt bình quân 7,5% - 8,0%/năm. Đến năm 2010 GDP đạt khoảng 1.760 nghìn tỉ đồng, tương đương 94 - 98 tỉ USD. Tổng số vốn đầu tư toàn xã hội tương đương 40% GDP, trong đó 60% vốn trong nước. Như vậy, tổng số vốn đầu tư cho nền kinh tế trong giai đoạn đến năm 2010 bình quân cần khoảng 30 - 40 tỉ USD mỗi năm. Cũng theo nhiều tính toán khác nhau, nhu cầu vốn đầu tư cho cả giai đoạn 2006 - 2010 cả nước cần tới 120 - 170 tỉ USD. Đây là số vốn cực kỳ lớn, bởi vậy nhiệm vụ huy động sẽ rất nặng nề.

4 - Các giải pháp huy động vốn đối với nền kinh tế

Để nâng cao hiệu quả huy động vốn, cần tập trung vào các giải pháp sau đây:

1 - *Tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách đa dạng hóa và đa phương hóa các giải pháp huy động vốn cho đầu tư phát triển.* Trong kênh huy động vốn của ngân sách nhà nước, cần tính toán chi tiết hiệu quả sử dụng vốn. Đánh giá về hiệu quả kinh tế của đợt phát hành trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ đợt cuối năm 2005 và việc phát hành và sử dụng vốn phát hành công trái, trái phiếu Chính phủ để có biện pháp điều chỉnh trong huy động vốn trong thời gian tới. Kho bạc Nhà nước không trực tiếp bán lẻ tín phiếu hay trái phiếu

Chính phủ, hay công trái quốc gia mà để tổ chức đấu thầu từng đợt qua Ngân hàng Nhà nước hay trên thị trường chứng khoán dựa trên nhu cầu vốn. Trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ nên được ưu tiên phát hành trong nước để thu hút mọi nguồn ngoại tệ trong dân cho đầu tư phát triển, lãi suất hấp dẫn trước hết phải để chính người dân được hưởng mà chưa cần phải phát hành trên thị trường quốc tế.

Việc nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, chống thất thoát và tham nhũng trong các dự án cần tránh đầu tư dàn trải là giải pháp rất quan trọng. Yêu cầu này cần được thực hiện chặt chẽ đối với ngân sách trung ương. Các tỉnh, thành phố cũng cần tránh tình trạng nôn nóng, hay đầu tư theo kiểu phong trào, đầu tư chủ quan duy ý chí. Chậm dứt tình trạng dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa được bố trí kế hoạch vốn đầu tư, đã giao hay chỉ định thầu cho doanh nghiệp triển khai thi công, vay vốn ngân hàng cho đầu tư, để lại hậu quả nặng nề cho việc cân đối vốn ngân sách, dàn trải về hiệu quả sử dụng vốn.

Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy định về quản lý và sử dụng vốn ODA, trong đó phân định rõ trách nhiệm của từng bộ, ngành trong quản lý nguồn vốn tài trợ này. Vốn ngân sách nhà nước, vốn tài trợ quốc tế và các nguồn vốn khác cho vay xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, hỗ trợ sinh viên nghèo vay vốn học tập, cho các mục tiêu chính sách xã hội khác,... chủ yếu cần được tập trung qua hệ thống ngân hàng chính sách xã hội để giải ngân cho các đối tượng theo được quy định.

2 - *Đẩy mạnh việc sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển, khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho các công ty cổ phần niêm yết cổ phiếu và huy động vốn trên thị trường chứng khoán.* Đối với các ngân hàng niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên xem

xét cho phép các nhà đầu tư nước ngoài mua với tỷ lệ không quá 49% vốn cổ phần của ngân hàng đó và một nhà đầu tư mua không quá 30% vốn cổ phần của một ngân hàng Việt Nam. Việc nâng tỷ lệ này, vẫn đảm bảo tỷ lệ chi phối của phía Việt Nam trong ngân hàng, mặt khác cho phép thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư lớn vào Việt Nam. Hơn thế nữa, gắn liền với huy động vốn, chúng ta còn thu hút công nghệ ngân hàng hiện đại, trình độ quản trị điều hành ngân hàng tiên tiến, thúc đẩy sự phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng trong nước.

3 - *Tiếp tục đổi mới lĩnh vực thanh toán, mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.* Thực hiện mục tiêu này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị trong ngành tài chính, như: thực hiện thu thuế và lệ phí, bảo hiểm,... bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Các tổ chức khác, như: thu cước phí bưu chính viễn thông, thu tiền điện nước, phí sử dụng cáp truyền hình, các hoạt động thu phí và thanh toán ổn định khác,... cũng cần chủ động và sẵn sàng phối hợp với ngân hàng trong sử dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Các tổ chức có khối lượng chi tiền mặt lớn, như: Bảo hiểm xã hội, các doanh nghiệp và tổ chức có đông người lao động,... sử dụng việc chi trả lương qua hệ thống ATM của ngân hàng. Chính phủ cần sớm ban hành Nghị định thanh toán không dùng tiền mặt, quy định mức giá trị của các khoản thanh toán không được sử dụng tiền mặt. Về phía hệ thống ngân hàng cần đẩy mạnh hơn nữa việc đầu tư hiện đại hóa công nghệ, phát triển dịch vụ, phát triển mạng lưới máy rút tiền tự động ATM,... Thực hiện giải pháp này không những huy động được khối lượng vốn rất lớn trong xã hội vào hệ thống ngân hàng mà còn tiết kiệm các khoản chi khổng lồ cho các hoạt động tiền mặt, góp phần hạn chế tham nhũng, tiêu cực trong xã hội.

4 - *Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước.* Việc tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, thông thoáng và lành mạnh cho các NHTM và tổ chức tín dụng hoạt động sẽ cho phép huy động khối lượng vốn rất lớn và nâng cao hiệu quả cho vay đầu tư. Đặc biệt là các NHTM cổ phần cũng nâng cao khả năng quản trị kinh doanh vốn, nên thị trường liên ngân hàng, đầu tư vốn trên thị trường tiền gửi của các tổ chức tín dụng phát triển mạnh mẽ hơn. Nhiều NHTM đa dạng hóa danh mục tài sản có, không chỉ cho vay trực tiếp, mà còn phân tán rủi ro bằng cách đầu tư trên thị trường tiền gửi, bán buôn vốn ngắn hạn cho các NHTM khác có điều kiện mở rộng cho vay an toàn, đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, công trái và tín phiếu Kho bạc nhà nước, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp... Khi cần vốn khả dụng, các ngân hàng có thể giao dịch các loại giấy tờ có giá trên thị trường mở với Ngân hàng Nhà nước, thúc đẩy thị trường tiền tệ phát triển, tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn trong nền kinh tế.

5 - *Tiếp tục đổi mới xây dựng và điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ.* Đổi mới các hoạt động khác của Ngân hàng Nhà nước, như: điều hành thị trường mở, thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc, đổi mới thanh toán và mở rộng thanh toán điện tử liên ngân hàng, các hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến sự phát triển của thị trường vốn. Việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, thu hút vốn đầu tư của Việt kiều, vốn đầu tư của người dân trong thành lập và bỏ vốn kinh doanh,... cần được thực hiện theo hướng vừa thúc đẩy các kênh xúc tiến đầu tư, mời gọi đầu tư, vừa cải tiến các quy trình, thủ tục, vừa chống tiêu cực, phiền hà, nhưng phải giám sát chặt chẽ phù hợp với thông lệ quốc tế, chống các hoạt động lừa đảo hay tiêu cực khác. □